

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-PT

Ngày: 18/4/2022

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Lộc**

Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Bà **Đặng Duy Mỹ Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Luân** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Hào** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc: Tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Phạm Thị Kim T1**, sinh năm 1970. Địa chỉ: phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà **Phạm Ngọc H1**, sinh năm 1973. Địa chỉ: thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3/ Ông **Phạm Thanh L1**, sinh năm 1977. Địa chỉ: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Trần Hoàng T2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị X, sinh năm 1959. Địa chỉ: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1994. Địa chỉ: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2/ Bà Đào Thị L2, sinh năm 1950. Địa chỉ: phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3/ Bà Huỳnh Thị Nguyệt H, sinh năm 1961. Địa chỉ: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

4/ Ngân hàng Y.

Địa chỉ trụ sở chính: phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh tại Vĩnh Long: Phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T3, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T4, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H, ông Phạm Thanh L1 là nguyên đơn; bà Trương Thị X là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H, ông Phạm Thanh L1 cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Phạm Văn S chung sống cùng bà Đào Thị L2 không đăng ký kết hôn có 05 con chung tên Phạm Thị Kim T1, Phạm Ngọc H, Phạm Thanh L1, Phạm Ái Q, Phạm Thanh T5. Phạm Ái Q, Phạm Thanh T5 chết, không có vợ, con. Ông S, bà L2 chung sống không hạnh phúc nên tự chia tay nhau từ năm 1980. Năm 1993, ông S chung sống như vợ chồng cùng bà Trương Thị X không đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Phạm Thị Tuyết M. Ngày 26/9/2014, ông S

chết, không di chúc. Cha ông S tên Võ Thành T6 chết năm 1990 và mẹ ông S tên Phạm Thị L3 chết năm 2003. Ông S không con nuôi.

Di sản ông S để lại là thửa đất 130, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.301,3m², loại đất: thổ vườn, địa chỉ: phường T, thành phố V do hộ ông S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 549565 cấp ngày 24/02/2011. Sau khi ông S chết, bà X đã thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký nhận thừa kế và thửa đất 130 theo tư liệu VLAP được tách ra thành 03 thửa: thửa 80, diện tích 722,9m²; thửa 81, diện tích 1.048,1m²; thửa 82, diện tích 1.452,8m²; cùng tờ bản đồ số 4; địa chỉ: phường T, thành phố V do bà X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018, bà X chuyển nhượng bà Huỳnh Thị Nguyệt H thửa 81 và bà H đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông S để lại tại thửa đất 130, yêu cầu nhận $\frac{3}{4}$ hiện vật tương đương diện tích 2.475m² (825,3m² x 3). Cây trồng gắn quyền sử dụng đất diện tích 2.475m² do bà X trồng, nguyên đơn trả giá trị lại bà X theo đơn giá tại Biên bản định giá tài sản ngày 22/4/2020. Các nguyên đơn không tranh chấp căn nhà cấp 4 gắn trên thửa đất 80 mà đồng ý bà X, chị M tiếp tục quản lý, sử dụng. Thửa đất 81 đang do bà Huỳnh Thị Nguyệt H đứng tên, nguyên đơn không yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà X với bà H mà phần này sẽ khấu trừ vào phần bà X, chị M được nhận.

Tại Đơn tường trình đề ngày 24/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị X trình bày:

Bà X và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985-1986, không đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Phạm Thị Tuyết M. Hàng thừa kế thứ nhất của ông S như các nguyên đơn trình bày là đúng. Di sản ông S để lại là thửa đất 130, tờ bản đồ số 02 do ông S đại diện hộ với thành viên trong hộ gồm ông S, bà X, Phạm Ái Q (chết, không có vợ, con) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 và căn nhà do bà X, ông S cùng nhau xây dựng năm 2006 kết cấu cột bê tông cốt thép, mái tole, nền lát gạch, vách tường.

Năm 2008, khi còn sống, ông S cùng bà X đã chiết thửa tặng cho bà T1 diện tích 2.039,5m², thuộc thửa đất 114 và ông L1 diện tích 1.254,6m², thuộc thửa đất 129. Các phần đất này bà T1, ông L1 đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng bà H thì ông L1 nói sẽ cho bà H phần đất hiện trạng là 01 cái ao (tại thửa đất 82) nhưng chưa tách thửa thì ông S chết. Theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà X không đồng ý vì lúc còn sống ông S

đã tặng cho ông L1 thửa đất 129 và tặng cho bà T1 thửa đất 114. Bà X đồng ý chia thừa kế bà H phần đất hiện trạng là 01 cái ao như ý chí ông S lúc còn sống theo đo đạc hiện trạng diện tích 318,3m² tại Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 12/3/2021.

Tại Biên bản hòa giải ngày 11/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Chị Phạm Thị Tuyết M là con chung của ông Phạm Văn S, bà Trương Thị X, đang sống cùng bà X và 02 con nhỏ. Chị M thống nhất lời trình bày của bà X, không ý kiến khác, đồng ý mọi việc do bà X giải quyết; đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị M suốt quá trình tiến hành tố tụng, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại Biên bản hòa giải ngày 16/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Nguyệt H1 trình bày:

Ngày 23/02/2018, bà H1 nhận chuyển nhượng từ bà X thửa đất 81, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.048,1m² giá 170.000.000đ. Ngày 15/3/2018, bà H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 81 là hợp pháp, ngay tình. Ngày 22/4/2021, bà H1 thế chấp quyền sử dụng đất thửa 81 vay tiền Ngân hàng Y số tiền 280.000.000đ là đúng quy định pháp luật. Bà H1 yêu cầu tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 81; đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà H1 suốt quá trình tiến hành tố tụng, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại Công văn số 43/NHNoVL-KTNB.m ngày 06/5/2021, Ngân hàng Y trình bày: Y và bà H ký kết Hợp đồng tín dụng số 7301-LAV-202100485 ngày 23/4/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 730-LCL-202100362 ngày 22/4/2021, số tiền vay 280.000.000đ, tài sản bảo đảm thửa đất 81, tờ bản đồ số 4. Y nhận thế chấp quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật và trong vụ án này không yêu cầu thu hồi nợ trước hạn với bà H. Y đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt quá trình tiến hành tố tụng.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/5/2020, bà Đào Thị L2 trình bày: Bà L2 không yêu cầu hưởng quyền lợi, không ý kiến trong vụ án này; đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà L2 suốt quá trình tiến hành tố tụng, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 138, 147, 157, 165, 186, 228, 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 612, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H, ông Phạm Thanh L1.

Buộc bà Trương Thị X chia thừa kế bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H, ông Phạm Thanh L1 đồng quyền sử dụng đất diện tích 1.209,7m² tại các chiết thửa 82-2, 82-3, 82-4, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: phường T, thành phố V theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 10/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Trương Thị X đã đứng tên quyền sử dụng đất thửa 80, chiết thửa 82-1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: phường T, thành phố V nên tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Đính kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 21/7/2020, 10/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật quy định.

Buộc bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H, ông Phạm Thanh L1 trả bà Trương Thị X số tiền giá trị cây trồng 33.785.000đ (ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 121 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 159/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08/3/2019. Giải tỏa số tiền bảo đảm 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền mặt số 0145 ngày 07/3/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long và ông Phạm Thanh L1 được nhận lại số tiền bảo đảm nêu trên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, về chi phí đo đạc định giá tài sản, về nghĩa vụ thi hành án và về quyền kháng cáo theo quy định của

pháp luật.

Ngày 24/11/2021 nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H và ông Phạm Thanh L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết tiến hành xem xét thẩm định lại đất với thửa đất số 82, tuyên chấp nhận cho chúng tôi được nhận trọn thửa nói trên cụ thể là đối với phần đất thuộc thửa 82 – 1 Tòa án tuyên cho bà X thì chúng tôi xin được nhận và thối lại giá trị cho bà Trương Thị X theo đúng quy định của pháp luật hoặc tiến hành đo đạc lại và phân chia theo hướng sẽ dọc thửa đất trên từ rạch vào theo tỷ lệ tương ứng để chúng tôi thuận tiện cho việc tiếp nhận và canh tác đất đai, chúng tôi sẽ nhường lại thêm một phần diện tích để chiều ngang thửa đất của bà X được đảm bảo và không mất giá trị của thửa đất.

Ngày 26/11/2021 bị đơn bà Trương Thị X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Công nhận quyền sở hữu đất của bà 1.206,7m² tại các chiếc thửa 82-2, 82-3, 82-4 tờ bản đồ số 4, địa chỉ phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Hoàng T2 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H và ông Phạm Thanh L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý theo kháng cáo của bà Trương Thị X.

- Bà Trương Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý theo kháng cáo của bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H và ông Phạm Thanh L1.

- Bà Đào Thị L2 yêu cầu được nhận phần di sản là quyền sử dụng đất mà con của bà là ông Phạm Ái Q chết để lại theo quy định của pháp luật.

- Chị Phạm Thị Tuyết M yêu cầu được nhận di sản thừa kế của ông Phạm Văn S qua đời để lại theo quy định của pháp luật.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện nội dung quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, có sai lầm trong việc xác định đối tượng được hưởng thừa kế, Vi phạm này không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp hủy toàn bộ

bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- **Về tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 12/11/2021. Ngày 24/11/2021 và ngày 26/11/2021 các đương sự nộp đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định và đã nộp đầy đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Riêng bà Trương Thị X được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

- **Về nội dung:** Ông Phạm Văn S và bà Đào Thị L2 sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn có 5 người con chung tên Phạm Thị Kim T1, Phạm Ngọc H, Phạm Thanh L1, Phạm Ái Q (chết năm 2005), Phạm Thanh Tùng (chết lúc nhỏ) đến năm 1980 ông S và bà L2 chia tay nhau. Năm 1993 ông S chung sống với bà Trương Thị X không có đăng ký kết hôn, có một con chung là Phạm Thị Tuyết M. Ông Phạm Văn S chết ngày 26/9/2014, không để lại di chúc, di sản thừa kế của ông S là quyền sử dụng đất thửa 130, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.301,3m² loại đất thổ vườn, địa chỉ phường T, thành phố V do hộ ông Phạm Văn S đứng tên giấy chứng nhận gồm đất và căn nhà cấp 4. Sau khi ông S chết, thửa 130 do bà Trương Thị X quản lý sử dụng, năm 2018 đã tách ra thành 3 thửa gồm thửa 80 diện tích 722,9m²; thửa 81 diện tích 1.048,1m²; thửa 82 diện tích 1.452,8m². Năm 2018, thửa 81 bà X đã chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Nguyệt H sử dụng.

Tại công văn số 909/UBND-NC ngày 01/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long xác định thành viên trong hộ gia đình đứng tên thửa đất số 130 gồm có ông S, bà X, anh Q. Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013 thì hộ gia đình được nhà nước giao đất, nếu hộ có thành viên chết thì quyền sử dụng đất của thành viên đó được để thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật. Phạm Ái Q chết năm 2005 không vợ con không di chúc nên quyền sử dụng đất thửa 130 tiếp tục để lại cho cha ruột là ông S cùng bà X là thành viên trong hộ sử dụng là không đúng. Bởi lẽ Phạm Ái Q chết năm 2005 nên áp dụng Điều 113 Luật đất đai năm 2003 thì hộ gia đình được nhà nước giao đất, nếu hộ có thành viên chết thì quyền sử dụng đất của thành viên đó được để thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật, Phạm Ái Q chết năm 2005 không có vợ con, không di chúc nhưng vào thời điểm này ông S và bà L2 là cha và mẹ của Phạm Ái Q còn sống nên theo quy định của pháp luật ông S và bà L2 được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do anh Q chết để lại.

Cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất Phạm Ái Q chết để lại thuộc thừa 130 cho ông S và bà X là thành viên trong hộ sử dụng là không đúng đối tượng vì bà X không phải là mẹ ruột của Phạm Ái Q. Mặc khác chị M là con bà X, không yêu cầu bà X chia thừa kế nhưng cấp sơ thẩm không xác định rõ kỹ phần thừa kế của chị M cho ai và cũng không dành cho chị M được quyền khởi kiện khi có yêu cầu chia thừa kế là không đúng.

Tại cấp phúc thẩm bà Đào Thị L2 yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của anh Q chết để lại. Chị Phạm Thị Tuyết M yêu cầu được hưởng phần di sản do ông Phạm Văn S chết để lại.

Xét thấy cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, có sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định đối tượng được hưởng thừa kế dẫn đến xét xử chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần thiết phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Phạm Thanh L1 số tiền tạm ứng đã nộp là 7.000.000đ và đã hoàn trả xong.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H, ông Phạm Thanh L1 với bị đơn bà Trương Thị X cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim T1, bà Phạm Ngọc H và ông Phạm Thanh L1 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 0000854, 0000855, 0000856 cùng ngày 03/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

4. Về chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Phạm Thanh

Liên số tiền tạm ứng đã nộp là 7.000.000đ và đã hoàn trả xong.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Tp Vĩnh Long;
- Chi cục THADS Tp Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu tổ HCTP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐẶNG VĂN LỘC